

BẢO MẬT THÔNG TIN TRONG CÁC VỤ VIỆN CHỐNG TRỢ CẤP VÀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Nguyễn Tú*

1. Khái niệm thông tin mật

Theo quy định tại Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Chống trợ cấp và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Chống bán phá giá, quy định những loại thông tin mật bao gồm:

1. Bí mật quốc gia và các bí mật khác theo quy định của Nhà nước¹. Mặc dù trong Pháp lệnh về Chống trợ cấp và Nghị định hướng dẫn không quy định rõ thế nào là bí mật quốc gia và các bí mật khác theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu rằng đó là những bí mật đã được định nghĩa: “*Bí mật nhà nước là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực ... kinh tế, khoa học, công nghệ... nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”²;

2. Thông tin được các bên cung cấp cho là mật và được cơ quan điều tra chấp nhận.

Trong Pháp lệnh và Nghị định hướng dẫn không định nghĩa thế nào là thông tin mật.

Tuy nhiên, trong Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) có định nghĩa rất rõ về thông tin mật là: “*Mọi thông tin mang tính chất bí mật (ví dụ nếu bị tiết lộ sẽ tạo thêm lợi thế cạnh tranh đáng kể cho một đối thủ cạnh tranh hoặc gây ra tác hại cho cá nhân đã cung cấp thông tin đó hay cho một người là nguồn để nhà cung cấp có được thông tin đó), hoặc thông tin được các bên trong cuộc điều tra cung cấp trên cơ sở tin bí mật, và có lý do chính đáng để cơ quan có*

thẩm quyền coi là thông tin bí mật”, hay trong Hiệp định Chống bán phá giá: “*Bất kỳ thông tin nào mang tính bảo mật (ví dụ như thông tin khi được công bố sẽ đem lại lợi thế cạnh tranh đáng kể cho các đối thủ cạnh tranh hoặc thông tin khi được công bố sẽ có ảnh hưởng xấu đến người cung cấp thông tin hoặc người mà người cung cấp thông tin thu thập thông tin) hoặc thông tin được các bên có liên quan đến quá trình điều tra cung cấp trên cơ sở bảo mật phải được các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng tính chất của thông tin đó khi lý do bảo mật được thấy rõ...*”³.

Theo quy định của EU thì thông tin mật là: “*Bất cứ thông tin nào mà bản chất của nó mang tính mật (ví dụ: việc tiết lộ thông tin của nó sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh nhất định cho đối thủ hoặc có ảnh hưởng bất lợi nhất định cho người cung cấp thông tin hoặc cho người mà từ người đó bên liên quan có được thông tin), hoặc những thông tin được các bên cung cấp cho cơ quan điều tra, nếu có cơ sở thì sẽ được bảo đảm. Theo đó, các bên quan tâm cung cấp thông tin mật sẽ được yêu cầu cung cấp bản tóm tắt về thông tin phổ biến. Những tóm tắt này phải đầy đủ chi tiết để thể hiện được bản chất vấn đề của chúng cứ đưa ra. Nếu xác định rằng một yêu cầu bảo mật không được thừa nhận hoặc người cung cấp thông tin không có thiện chí để làm cho thông tin đáp ứng được điều kiện bảo mật hoặc hình thức tóm tắt có thể sẽ không được xem xét trừ phi chứng minh được từ các nguồn đa dạng rằng thông tin là đúng. Không được từ chối yêu cầu bảo mật thông tin một cách tùy tiện*”⁴.

Còn định nghĩa về thông tin mật của Hoa Kỳ cũng tương tự của EU và các Hiệp

* ThS. Luật học, Công ty Luật Đại Nam

¹ Đây là một quy định đặc thù của pháp luật Việt Nam, trong Hiệp định SCM cũng như một số các quốc gia khác không có quy định riêng về bí mật quốc gia, mà chỉ nêu lên những thông tin do các bên cung cấp.

² Điều 1, Pháp lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH 10 ngày 28/12/2000 về Bảo vệ bí mật nhà nước.

³ Điều 14.2 Hiệp định SCM và Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá.

⁴ Điều 29, quy định EC số 2026/97 về Chống trợ cấp hàng nhập khẩu vào EU.

định của WTO, nhưng cụ thể hơn: *Thông tin thương mại mật là thông tin có liên quan hoặc liên hệ tới bí mật thương mại, chế biến, kinh doanh, lịch làm việc, bộ máy, hoặc sản lượng, bán hàng, vận chuyển, mua hàng, chuyển giao, thể căn cước của khách hàng, hàng hoá tồn kho, hoặc số lượng hoặc nguồn gốc của bất cứ thu nhập nào, lợi nhuận, thua lỗ, hoặc tiêu dùng của bất cứ của người, đối tác, doanh nghiệp nào, hoặc của những tổ chức khác mà những thông tin đó có được, trừ phi cơ quan điều tra được pháp luật yêu cầu công bố những thông tin đó. Những “thông tin thương mại mật” không thể công bố là những thông tin mật, những thông tin chỉ được một số người sử dụng mà thôi⁵.*

Như vậy, định nghĩa về thông tin mật của Việt Nam còn khá sơ sài, chung chung so với quy định của WTO, ngoài những thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thì các thông tin của các bên chỉ được coi là thông tin mật khi được cơ quan điều tra chấp nhận. Như vậy, vấn đề là nếu thông tin đó bị tiết lộ có thể có lợi cho đối thủ cạnh tranh hoặc gây bất lợi cho người cung cấp thông tin nhưng nếu vì một lý do nào đó không được cơ quan điều tra chấp nhận thì cũng không được bảo mật, việc chấp nhận hay không chấp nhận nhiều lúc tùy thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan điều tra, chưa coi trọng và quan tâm cần thiết đối với việc bảo vệ bí mật thương mại của doanh nghiệp.

2. Thủ tục bảo mật thông tin

Khi cung cấp những thông tin được đề nghị bảo mật cho cơ quan điều tra, bên cung cấp thông tin phải gửi kèm theo thông tin đó bản giải trình chi tiết về lý do đề nghị bảo mật thông tin và bản tóm tắt những nội dung của thông tin mật có thể công bố công khai cho các bên liên quan khác⁶.

Cũng tương tự của Việt Nam, Hiệp định SCM và Hiệp định Chống bán phá giá đều

quy định về điều kiện bảo mật thông tin: *Cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu các thành viên và các bên quan tâm cung cấp bản tóm tắt không mang tính chất bí mật về các thông tin bí mật đó. Bản cung cấp sẽ mô tả chi tiết đến mức cần thiết để cho phép hiểu một cách đúng mức về nội dung thông tin đã cung cấp được bảo mật. Trong trường hợp ngoại lệ, các thành viên hoặc bên nói trên có thể chỉ ra rằng thông tin đó không thể tóm tắt được. Trong trường hợp ngoại lệ đó, bản trình bày về lý do không thể tóm tắt thông tin phải được cung cấp. Nếu cơ quan có thẩm quyền nhận thấy rằng yêu cầu giữ bí mật thông tin không được bảo đảm và nếu người cung cấp thông tin không đồng ý cho công bố thông tin hoặc không cho phép tiết lộ dưới hình thức tóm tắt hoặc khái quát thông tin, cơ quan có thẩm quyền có thể bỏ qua thông tin đó trừ khi có nguồn thích đáng chứng minh thoả đáng rằng thông tin đó là đúng. Yêu cầu bảo đảm không tiết lộ thông tin không thể gạt bỏ một cách độc đoán, cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra có thể yêu cầu bỏ tính không tiết lộ thông tin chỉ đối với những thông tin liên quan đến việc điều tra⁷.*

Đối với Hoa Kỳ, là một quốc gia có lịch sử lâu dài và kinh nghiệm về điều tra chống trợ cấp/phá giá. Do vậy, quốc gia này đã có những quy định rất rõ ràng cho các bên liên quan khi làm thủ tục yêu cầu bảo mật thông tin. Yêu cầu bảo mật thông tin thương mại của bên liên quan được nộp cho cơ quan điều tra, và phải viết rõ trên túi hồ sơ rằng đây là yêu cầu được bảo mật. Mỗi lần cung cấp, hoặc đề nghị cung cấp chế độ bảo mật thông tin thương mại, người cung cấp yêu cầu đề nghị được bảo mật thông tin phải cung cấp những tài liệu sau, những tài liệu này có thể được công bố rộng rãi: (i) Trình bày tài liệu bằng văn bản về bản chất của đối tượng thông tin; (ii) Chứng minh được rằng việc yêu cầu bảo mật thông tin là có cơ sở; (iii) Một chứng nhận bằng văn bản có tuyên thệ rằng những thông tin mật này không thể

⁵ Quy định tại Điều 201.6(a) của đạo luật (19.C.F.R. §201.6(A)).

⁶ Khoản 2, Điều 29, Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11/07/2005.

⁷ Điều 12.4.1 Hiệp định SCM và Điều 6.5.1 Hiệp định Chống bán phá giá.

công bố rộng rãi; (iv) Một bản phô tô của các tài liệu, đánh dấu những trang có chứa thông tin mật, những thông tin yêu cầu bảo mật phải được giải nghĩa rõ ràng.

Khi các bên liên quan nộp hồ sơ có thông tin mật cho cơ quan điều tra để yêu cầu bảo mật thông tin, người đó đồng thời phải cung cấp một bộ hồ sơ có chứa các thông tin có thể phổ biến cho các bên liên quan. Nếu hồ sơ được nộp vào thời hạn ngày cuối cùng thì cơ quan điều tra cho phép người nộp gửi phiên bản phổ biến không muộn hơn một ngày làm việc sau khi nộp phiên bản có chứa thông tin mật (*one day rule*).

Người nộp bản tóm tắt hoặc những tài liệu khác có chứa thông tin mật phải đáp ứng được quy định của cơ quan điều tra bao gồm những tài liệu có chứa thông tin mật cũng như những tài liệu khác nói chung. Những quy định này phân ra các loại chứng nhận, và chỉ duy nhất một loại đòi hỏi có chứng nhận. Thủ tục để nộp thông tin thương mại theo chế độ bảo mật đòi hỏi phải có “*chứng nhận bằng văn bản cam kết rằng những thông tin mật cơ bản không được tiết lộ cho công chúng*”. Quy định về dịch vụ, nộp hồ sơ và chứng nhận tài liệu nhìn chung đòi hỏi rằng thông tin đó là xác đáng.

Thủ tục bảo vệ thông tin mật của Hoa Kỳ được quy định bởi “*lệnh bảo vệ hành chính*” (administrative protective order – APO) do ITC ban hành trong quá trình điều tra. Nội dung của APO bao gồm các nghĩa vụ trong đó quy định các yêu cầu như không được tiết lộ thông tin mật (CBI/BPI)⁸ đối với những người có thẩm quyền, chỉ sử dụng thông tin mật cho việc tranh chấp và điều tra trong vụ kiện đó, lưu giữ và trao đổi thông tin mật một cách phù hợp, và báo cáo khả năng sự vi phạm của thông tin mật. APO đồng thời cũng chỉ rõ thông tin mật được tiếp cận khi nào, như thế nào phải được trả lại hoặc tiêu hủy theo quy định của APO, và mô

tả quy định hình thức xử phạt đối với những người vi phạm nghĩa vụ của họ được quy định trong APO.

3. Tiếp cận thông tin mật

Theo quy định của Hiệp định SCM, những thông tin đã được cơ quan điều tra xác định là thông tin mật thì không được tiết lộ nếu không có sự cho phép cụ thể của bên cung cấp,⁹ và quy định của Hiệp định Chống bán phá giá: *Những thông tin này sẽ không được công bố nếu bên cung cấp thông tin chưa cho phép một cách cụ thể*¹⁰.

Tuy nhiên, khi cung cấp thông tin mật thì bên cung cấp thông tin cần thiết phải cung cấp bản tóm tắt hoặc khái quát thông tin mang tính chất phổ biến để các bên liên quan được biết.

Chế độ bảo mật thông tin của Việt Nam trong điều tra chống trợ cấp/phá giá theo Pháp lệnh Chống bán phá giá cũng quy định khi cung cấp thông tin được đề nghị bảo mật, bên cung cấp thông tin phải gửi kèm theo thông tin đó bản giải trình chi tiết về lý do đề nghị bảo mật thông tin và bản tóm tắt những nội dung của thông tin mật có thể công bố công khai cho các bên liên quan khác.

Các bên liên quan đến quá trình điều tra được phép tiếp cận các thông tin đã cung cấp cho cơ quan điều tra, trừ thông tin cần giữ bí mật¹¹. Luật sư chỉ được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ việc chống trợ cấp, trừ những thông tin mật¹²; còn đối với người yêu cầu, hoặc người bị yêu cầu và các bên liên quan khác cũng chỉ được tiếp cận với các thông tin phổ biến mà các bên liên quan khác cung cấp cho cơ quan điều tra, trừ những thông tin mật¹³.

Khác với quy định của pháp luật Việt Nam và của WTO, Hoa Kỳ đã mở rộng đối tượng được tiếp cận, một số đối tượng được

⁹ Điều 12.4 Hiệp định SCM.

¹⁰ Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá.

¹¹ Khoản 2, Điều 17, Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 20/05/2004.

¹² Điều 17, Nghị định số 89/2005/NĐ-CP và Điều 17 Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11/07/2005.

¹³ Điều 16, Nghị định số 89/2005/NĐ-CP và Điều 16 Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11/07/2005.

⁸ Đối với vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp thì gọi là thông tin có giá trị thương mại (Business Proprietary Information - BPI), còn vụ kiện về tự vệ thì gọi là thông tin thương mại mật (Confidential Business Information - CBI)

tiếp cận mà không cần được sự cho phép của bên cung cấp thông tin như quy định của WTO và của một số nước, cụ thể: không cấm luật sư và các bên liên quan của vụ kiện tiếp cận với thông tin mật, nhưng cơ quan điều tra chỉ cho tiếp cận một cách giới hạn (Limited disclosure) các thông tin đã được bảo mật. Tuy nhiên, thủ tục và quy định hết sức nghiêm ngặt và chỉ một số người có thẩm quyền nhất định mới được chấp nhận nộp đơn yêu cầu được tiếp cận thông tin mật trên cơ sở của APO¹⁴.

Người có thẩm quyền là một trong những người sau: (i) Luật sư¹⁵; (ii) Nhà tư vấn hoặc chuyên gia dưới sự quản lý trực tiếp và điều hành bởi luật sư đại diện cho bên liên quan của cuộc điều tra; (iii) Chuyên gia hoặc nhà tư vấn xuất hiện thường xuyên trước cơ quan điều tra¹⁶. (iv) Người đại diện cho bên liên quan trong quá trình điều tra nếu bên liên quan đó không được đại diện bởi luật sư¹⁷.

Người có thẩm quyền nộp đơn để được

¹⁴ Theo quy định của APO thì những người này được gọi là “*người có thẩm quyền nộp đơn*”, là một cá nhân. Do vậy, mỗi luật sư, nhà tư vấn, chuyên gia của một doanh nghiệp mong muốn có được thông tin mật theo APO phải sử dụng một lá đơn riêng biệt. Người có được thông tin mật theo quy định của APO không được tranh luận những thông tin đó với đồng nghiệp của mình khi mà người đó không nộp đơn và được sự chấp thuận của cơ quan điều tra.

¹⁵ Luật sư này phải thuộc Liên đoàn luật sư Hoa Kỳ hoặc đoàn luật sư quận columbia. Mục đích của quy định này là để bảo đảm rằng cơ quan điều tra cho phép tiếp nhận thông tin APO cho những người mà cơ quan này có thể áp đặt trừng phạt khi họ vi phạm APO. Tuy nhiên, cơ quan điều tra có thể chấp nhận một luật sư không tham gia hành nghề ở Hoa Kỳ tiếp cận thông tin mật theo quy định của APO như là một chuyên gia hoặc nhà tư vấn làm việc dưới sự giám sát của một luật sư được cấp chứng chỉ hành nghề ở Hoa Kỳ.

¹⁶ Không có định nghĩa về thuật ngữ “*xuất hiện thường xuyên trước cơ quan điều tra*”. Tuy nhiên, thuật ngữ này được hiểu là những người này đã từng xuất hiện trước cơ quan điều tra ở các vụ kiện trước đó với vai trò là chuyên gia, nhà tư vấn.

¹⁷ Đạo luật cạnh tranh và thương mại của Hoa Kỳ năm 1988 định nghĩa rằng “*người đại diện có thẩm quyền bao gồm ngoài những luật sư đại diện cho bên liên quan, các chuyên gia... Và người đó phải đại diện cho một bên liên quan trong vụ kiện đó*”.

tiếp cận thông tin mật theo quy định APO phải nộp đơn cho cơ quan điều tra theo mẫu. Trong đơn được chia làm ba phần, bao gồm: phần *tuyên thệ* rằng họ là người có đủ thẩm quyền theo quy định của pháp luật; *yêu cầu* tiếp cận thông tin mật và chịu tuân thủ quy định của APO; người nộp đơn phải được biết rằng việc vi phạm về bảo mật thông tin sẽ phải chịu những *chế tài* nhất định. Trong hầu hết các vụ kiện, người nộp đơn có thẩm quyền muốn tiếp cận thông tin mật theo quy định APO, trước khi được chấp thuận được tiếp cận thông tin mật, người đó phải ký vào bản cam kết phải chịu hình phạt nếu vi phạm APO.

Nếu người có thẩm quyền nộp đơn là luật sư nội bộ (in house counsel) hoặc đại diện cho bên liên quan mà không được đại diện bởi luật sư, người đó phải kèm theo đơn một bản trình bày về chức năng công việc của mình, nói rõ cổ phần mà họ có trong bên liên quan đó, chỉ rõ người đó có liên quan đến việc quyết định những vấn đề về chính sách giá cả của bên liên quan đó.

Nếu là một chuyên gia hoặc nhà tư vấn hoạt động thường xuyên trước cơ quan điều tra, người đó phải nộp đơn tiếp cận thông tin mật theo quy định của APO như là một người nộp đơn có thẩm quyền. Để giúp đỡ cơ quan điều tra ra quyết định của mình liên quan đến việc tiếp cận thông tin này, người đó phải nộp kèm theo danh sách những vụ kiện mà người này đã tham gia. Danh sách này phải nêu rõ cuộc điều tra và vai trò của họ trong cuộc điều tra đó.

Thời hạn nộp đơn: Theo quy định, người nộp đơn phải nộp trong thời hạn nhất định. Trong giai đoạn đầu phải nộp đơn trong vòng 07 ngày sau khi đăng trên công báo Liên bang về giai đoạn điều tra sơ bộ. Nếu không nộp đơn trong giai đoạn điều tra sơ bộ thì có thể nộp trong giai đoạn điều tra cuối cùng nhưng không muộn hơn 21 ngày trước khi phiên điều trần được thực hiện. Trong giai đoạn xem xét lại giai đoạn 5 năm phải nộp đơn trong vòng 21 ngày kể từ ngày đăng công báo Liên bang về lịch làm việc. Trong một số vụ kiện, một bên liên quan có thể được đại diện bởi nhiều hơn một người, *ví dụ: một số*

luật sư từ một hoặc nhiều hãng luật, cũng như là các nhà kinh tế từ các công ty tư vấn. Với điều kiện chỉ một người có thẩm quyền nộp đơn trong thời gian quy định, thời hạn nộp đơn được kéo dài cho những người có quyền nộp đơn khác đại diện cho bên liên quan đó. Một người có thẩm quyền nộp đơn phải nộp trong thời hạn và xác định mình là "người đứng đầu có thẩm quyền nộp đơn". Chỉ duy nhất người này sẽ được nhận trực tiếp tài liệu mật từ cơ quan điều tra. Những người khác có thể nộp đơn muộn hơn, nhưng không muộn hơn 5 ngày trước khi hết hạn nộp bản tóm tắt sau phiên điều trần trong quá trình điều tra hoặc xem xét lại đầy đủ giai đoạn 5 năm, hoặc bản tóm tắt trong giai đoạn điều tra sơ bộ. Tuy nhiên, người đứng đầu này không được tranh luận về CBI/BPI với những người có thẩm quyền nộp đơn khác cho đến khi đơn của họ được chấp thuận.

Những người đã nộp đơn yêu cầu tiếp cận thông tin mật trong giai đoạn điều tra sơ bộ không cần thiết phải nộp đơn trong giai đoạn cuối cùng. Tuy nhiên, cần phải thông báo cho cơ quan điều tra biết rằng họ sẽ vẫn tham gia trong giai đoạn điều tra cuối cùng. Mỗi doanh nghiệp gửi một bản danh sách các luật sư và nhà tư vấn sẽ tham gia vào giai đoạn điều tra cuối cùng. Trong văn bản này cũng cần nêu rõ bất cứ người nào đã tham gia vào giai đoạn sơ bộ nhưng đã chấm dứt và lý do liên quan. Nếu một luật sư hoặc một người có thẩm quyền nộp đơn mới đang được thuê, phải thực hiện theo cách thức tương ứng.

Sử dụng thông tin mật: Sau khi hết hạn nộp đơn, cơ quan điều tra sẽ lập danh sách những người nộp đơn đã được chấp thuận. Tất cả các bên liên quan phải nộp BPI của mình cho cơ quan điều tra. Nếu một bên liên quan có nhiều người đại diện có thẩm quyền nộp đơn, danh sách dịch vụ APO sẽ chỉ định một người đứng đầu đại diện. Danh sách dịch vụ APO này không được làm lẫn lộn với danh sách dịch vụ phổ biến. Đối với những người không nằm trong danh sách dịch vụ APO thì không được cung cấp những thông tin mật. Để tránh lẫn lộn giữa hai loại danh sách này, cơ quan điều tra đã in danh sách

của những người thuộc dịch vụ APO bằng giấy màu hồng và những người thuộc danh mục công bố phổ biến được in vào giấy màu xanh. Trong giai đoạn điều tra sơ bộ, khoảng thời gian giữa nộp đơn kiện và lên danh sách dịch vụ APO, cơ quan điều tra sẽ thông báo cho nguyên đơn và những người nộp đơn yêu cầu biết được khi nào thì đơn yêu cầu được chấp thuận.

Công bố BPI theo quy định của APO:

Khi người nộp đơn có thẩm quyền đứng đầu có danh sách trong bản dịch vụ APO, người này đủ tư cách để nhận thông tin mật theo quy định của APO từ các thành viên khác, chẳng hạn như bản báo cáo của cơ quan điều tra, bản trả lời câu hỏi của bên không phải là bên liên quan. Cơ quan điều tra chỉ gửi thông tin mật cho những người có thẩm quyền.

Tuy nhiên, theo quy định thì một số thông tin ngoại lệ không cần tiết lộ chính thức, hoặc "của một loại thông tin mà xét thấy rõ ràng và thuyết phục cần phải giữ lại không được công bố" là ngoại lệ không cho công bố và dịch vụ APO. Những tài liệu không cần tiết lộ bao gồm những thông tin như: giữa luật sư với khách hàng, quá trình thảo luận, hoặc sản phẩm làm việc của luật sư. Việc phân loại tài liệu bao gồm: sự phân loại an ninh quốc gia như "tuyệt mật" hoặc "mật"; loại thứ ba là "rõ ràng và cần thiết phải giữ lại không công bố", chẳng hạn như bí mật thương mại, có thể là công thức bí mật hoặc các phương pháp có giá trị thương mại.

4. Kết luận

Khi tham gia vào các vụ kiện chống bán phá giá/trợ cấp với tư cách là bị đơn, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan điều tra của nước sở tại để bảo vệ quyền lợi của mình. Đối với các vụ kiện ở một số quốc gia như EU thì nguy cơ thông tin mật bị tiết lộ là không nhiều, bởi vì nhóm đối tượng được tiếp cận thông tin mật rất hạn chế (ngoại trừ trường hợp được chấp thuận của bên cung cấp thông tin). Tuy nhiên, riêng các vụ kiện ở Hoa Kỳ thì các doanh nghiệp

(Xem tiếp trang 71)

thuộc thẩm quyền ban hành hướng dẫn của Chính phủ. Với tính chất và nội dung của các quy định trên, việc ban hành một *Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích* là phù hợp và cần thiết. Mặc dù, chưa xác định được cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền trong việc tiếp nhận đăng ký và cấp phép tiếp cận nguồn gen như trên đã phân tích, nhưng hiện tại Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường được dự tính chỉ định để xây dựng dự thảo

Nghị định trên. Còn rất nhiều những khó khăn, thách thức để xây dựng Nghị định trên và để Nghị định đó đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả điều chỉnh, song ý nghĩa của Nghị định về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích hết sức to lớn ở dưới góc độ thúc đẩy kinh tế phát triển, hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của cộng đồng, người dân được giao hoặc có liên quan đến quản lý nguồn gen, góp phần quan trọng vào bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và nguồn tài nguyên di truyền nói riêng.

(Tiếp theo trang 38 – Bảo mật thông tin ...)

phải đặc biệt quan tâm. Bởi vì, như đã nêu trên, số người được phép tiếp cận thông tin mật là rất nhiều; các loại thông tin được yêu cầu bảo mật được liệt kê rất đa dạng, chi tiết từng loại dẫn đến thông tin càng dễ bị tiết lộ ra ngoài; thủ tục bảo mật thông tin cũng quy định rất cụ thể về thời gian và cách thức nộp thông tin mật...

Vì thế, để bảo đảm được quyền lợi của mình, các doanh nghiệp cần chủ động xác định những thông tin nào có thể được bảo mật theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ và cần thiết phải bảo mật để từ đó thực hiện

cho kịp thời gian và đúng quy định; còn thông tin nào không cần bảo mật thì đưa vào danh sách thông tin phổ biến.

Mặt khác, các cơ quan nhà nước thực tế vừa qua đã tổ chức rất nhiều cuộc hội thảo về chống bán phá giá, nhưng cũng chỉ khái quát và giới thiệu về thủ tục điều tra chứ chưa đi sâu vào vấn đề, thủ tục của bảo mật thông tin. Vì thế, cơ quan quản lý cần phải giúp doanh nghiệp hiểu sâu hơn về vai trò của các thông tin mật, nhằm bảo vệ cho quyền lợi của các doanh nghiệp nói riêng cũng như của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

(Tiếp theo trang 50 – Về quyền đơn phương...)

Trong quan hệ lao động, nguyên tắc tự nguyện, tự do, cùng có lợi thường được các bên sử dụng. Mặc dù trước đó các bên sử dụng quyền ĐPCDHĐLĐ theo luật định, nhưng nếu họ thấy muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ lao động giữa các bên thì mỗi bên vẫn có thể từ bỏ việc ĐPCDHĐLĐ trước khi hết thời hạn báo trước²¹. Quy định này vừa bảo vệ được quyền chủ động của các bên

trong quan hệ lao động, tiếp tục thực hiện những cam kết trước đó, vừa lành mạnh hóa bất đồng trước đó. Theo khuyến cáo của ILO, luật lao động các nước cần có nhiều quy định nhằm bảo vệ quyền ĐPCDHĐLĐ của các chủ thể như “một quyền tự do cơ bản” nhưng cũng tạo điều kiện để các bên nối lại mối quan hệ lao động bằng việc ngừng thực hiện thông báo ĐPCDHĐLĐ với bên kia²².

²¹ Điều 40, BLLĐ.

²² Xem Valticos (N) - R.C.A.D.I, 1968/1, p.319; Merle (M), A.F.D.I, 1959, tr. 414 - 415.